

NHỮNG GIẢI PHÁP HẠN CHẾ NHẬP SIÊU GÓP PHẦN KIỂM CHẾ LẠM PHÁT

ĐOÀN HỒNG LÊ *

Lạm phát và chống lạm phát là chủ đề “nóng bỏng” từ đầu năm đến nay và sẽ còn xuyên suốt cả năm 2008 của nước ta. Có nhiều giải pháp được đề xuất, trong đó có những giải pháp cơ bản do Chính phủ công bố nhằm kịp thời ngăn chặn đà “phi mã” của tăng giá hàng hoá. Bài viết này đề cập đến tác động của xuất nhập khẩu đối với lạm phát và những giải pháp quản lý có hiệu quả lĩnh vực này nhằm góp phần chống lạm phát và đảm bảo tăng trưởng.

Theo số liệu thống kê, mặc dù chỉ số giá tiêu dùng tháng 6 chỉ tăng 2,14%, song so với tháng 12/2007 đã tăng 18,44% và mức tăng bình quân 6 tháng đầu năm 2008 so với 6 tháng đầu năm 2007 là 20,34%¹. Trong khi đó, tỷ lệ lạm phát tại thời điểm tháng 5/2008 của một số nước rất thấp như Ấn Độ: 8,25%; Trung Quốc: 7,7%; Singapore 7.5%; Mỹ: 4,2% và mức trung bình của các nước đang phát triển là thành viên của ADB là 3,4% năm 2005 và 3,3% năm 2006².

Thế nào là lạm phát?

Lạm phát là sự tăng giá chung của các mặt hàng

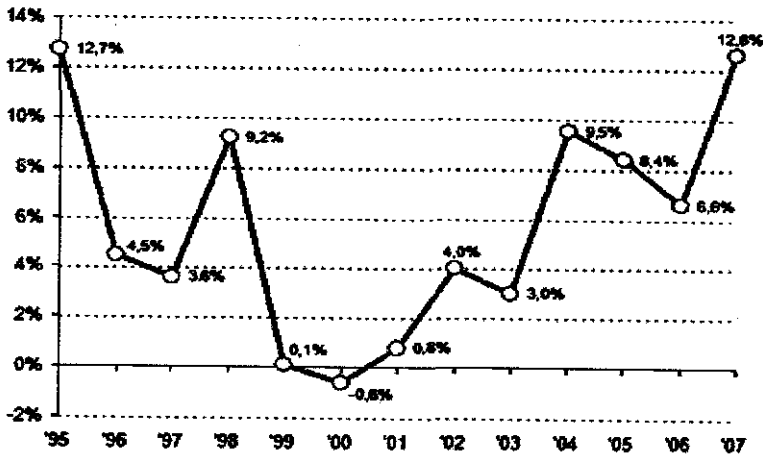
theo thời gian của nền kinh tế. Hoặc theo một nghĩa khác thì lạm phát là sự mất giá trị thị trường hay giảm sức mua của đồng tiền của một quốc gia. Theo các nhà kinh tế, có hai loại lạm phát: lạm phát do cầu kéo và lạm phát do chi phí đẩy. Lạm phát do cầu kéo là sự chênh lệch giữa nhu cầu và nguồn cung hàng hóa. Cầu hàng hóa tăng trong khi nguồn cung hạn chế sẽ làm giá cả các mặt hàng tăng. Lạm phát do chi phí đẩy là do chi phí của các nguyên liệu đầu vào tăng, dẫn đến giá cả sản phẩm tăng. Ngoài ra, do lượng tiền cung ứng cho nền kinh tế nhiều hơn mức gia tăng lượng hàng sản xuất ra cũng là một trong những nguyên nhân quan trọng gây ra lạm phát và có thể xếp nó vào lạm phát do cầu kéo. Chẳng hạn, tốc độ tăng GDP trong giai đoạn 2005-2007 của Việt Nam là 27,6% nhưng cung tiền lại tăng tới 135%³.

1. Lạm phát gây đau đầu với cả các cường quốc, VietNamNet, 16/06/2008 (GMT+7).

2. Thực đơn cho nền kinh tế khỏe mạnh, <http://www.tuanvietnam.net/vn/tulieusuyngam/4201/index.aspx>. 07/07/2008.

3. Trần Ngọc Thơ: Tiền đồng đang ở đâu?, Thời báo Kinh tế Việt Nam, số ngày 07/07/2008.

*Cục Hải quan TP. Đà Nẵng



Lạm phát của Việt Nam giai đoạn 1995-2007

(Nguồn: Tổng cục Thống kê)

Để đo lường mức độ của lạm phát người ta sử dụng chỉ số giá tiêu dùng (Consumer Price Index-CPI). Nếu lạm phát ở mức thấp được gọi là thiếu phát và lạm phát ở mức rất cao gọi là siêu lạm phát. Trong thực tế, nếu giữ mức lạm phát vừa phải sẽ kích thích phát triển kinh tế trong khi siêu lạm phát hay thiếu phát đều ẩn chứa các nguy cơ bất lợi khủng hoảng hay trì trệ. Lạm phát được cho là hợp lý ở mức từ 3% và còn tùy thuộc vào nền kinh tế. Ở Việt Nam, mức 8-9% vẫn có thể chấp nhận được trong khi ở Nhật 1,5% và Châu Âu 3,6% (tháng 5/2008) đã là cao. Một phần do rõ hàng hóa tính CPI khác nhau, một phần do quy mô và tốc độ tăng trưởng GDP là rất khác nhau.

Nguyên nhân của lạm phát ở nước ta hiện nay

Lạm phát ở Việt Nam tăng liên tục những năm gần đây và đã được dự báo khi CPI 8 tháng đầu năm 2007 so với 8 tháng đầu năm 2006 là 7,3%. Đến tháng 12/2007, lần đầu tiên sau hơn 10 năm kể từ cuộc khủng hoảng Châu Á 1997, CPI đã tăng mức 2 chữ số 12,63% và tốc độ tăng liên tục theo thời gian ở mức 20,34% tại thời điểm tháng 6/2008.

Cũng giống như các nền kinh tế khác trên thế giới, lạm phát ở nước ta trong thời gian qua đều bắt nguồn từ nhiều nguyên nhân như do chi phí đẩy, do cầu kéo hoặc do lượng cung tiền quá mức cần thiết... Tuy nhiên, với một nền kinh tế còn non yếu, lạm phát ở nước ta còn có những nguyên nhân khác như do hậu quả của thời tiết giá rét kéo dài khắc nghiệt, đại dịch bệnh đối với gia cầm, gia súc và từ

một số nguyên nhân khác. Song, một trong những nguyên nhân rất quan trọng gây lạm phát đó là quản lý xuất nhập khẩu và điều hành tỷ giá hối đoái chưa chặt chẽ.

Theo số liệu thống kê, nhập khẩu của nước ta đã gia tăng mạnh trong những năm gần đây cả về quy mô tuyệt đối, cả về tỷ lệ so với GDP. Nếu năm 1995 mới có 8.155,4 triệu USD, bằng 39,2% GDP năm 2000 là 15.636,5 triệu USD, bằng 50,1% GDP thì năm 2007 là 62.682,2 triệu USD, bằng 88% GDP. Sáu tháng đầu năm 2007, kim ngạch nhập khẩu lên tới 4,5 tỷ đôla, tăng 64% so với cùng kỳ năm trước, lớn hơn mức nhập khẩu trong cả năm từ năm 2005 trở về trước. Số liệu thống kê cũng cho thấy, trong lúc kim ngạch xuất khẩu nửa đầu năm đạt 27,7 tỷ đôla, tăng 27% so với cùng kỳ năm 2007, kim ngạch nhập khẩu lên tới 44,5 tỷ đôla, tăng 64%. Theo đó, mức nhập siêu 6 tháng đầu năm là 14,8 tỷ đôla, bằng 59% kim ngạch xuất khẩu, lớn hơn mức nhập siêu trong cả năm 2007. Trong khi thâm hụt thương mại 6 tháng đầu năm 2007 ở mức 4,8 tỷ đôla, tương đương 21,3% kim ngạch xuất khẩu, tăng gấp 3 lần so với cùng kỳ năm ngoái. Như vậy, mức nhập siêu ở trong nước đã tăng đột biến. Nhập siêu đồng nghĩa với việc nhà nước bỏ ra một khoản ngoại tệ chi tiêu vượt quá nguồn thu, nhất là nguồn thu từ xuất khẩu không thể bù đắp được, trong bối cảnh giá cả thế giới tăng cao. Nhập siêu lớn không những đe dọa cân đối vĩ mô, làm biến động tỷ giá hối đoái, mà còn tác động đến lạm phát cao ở trong nước.

Bảng : Kim ngạch xuất nhập khẩu 6 tháng đầu năm 2008

	Kim ngạch 6 tháng đầu năm (tỷ USD)						Tốc độ tăng so với cùng kỳ năm trước (%)					
	2003	2004	2005	2006	2007	2008	2003	2004	2005	2006	2007	2008
Xuất khẩu	9.8	11.8	14.4	18.7	22.5	29.7	34.8	20.7	22.4	29.7	19.4	31.8
Nhập khẩu	122	14.2	18	20.7	27.7	44.5	44.6	16.5	27.1	15	34	60.3
Nhập-Xuất	2,4	2.4	3.6	2	5.3	14.8	6.4	0	50.6	44.4	167	179.5
% nhập siêu	24.3	20	24.7	10.6	23.5	49.8						

(Nguồn: Nhập siêu tháng 6 đã giảm hơn nửa so với trước đây, Tạp chí Thuế nhà nước, số 25 tháng 7/2008)

Ngoại tệ là đồng tiền giao dịch trong hoạt động thương mại quốc tế, vừa là phương tiện bảo đảm tính thanh khoản quốc gia vừa là nhân tố tác động đến cán cân thương mại của quốc gia và lạm phát... Tuy nhiên, cán cân thương mại và lạm phát phụ thuộc một phần không nhỏ vào chính sách điều hành tỷ giá giữa đồng nội tệ và đồng ngoại tệ. Trong thời gian qua, việc định giá đồng Việt Nam gắn với đồng đô la Mỹ, làm cho giá hàng nhập khẩu thanh toán bằng USD bị đắt lên. Nếu tỷ giá đồng Việt Nam / đồng đô la Mỹ tăng (tức là giảm giá đồng Việt Nam) sẽ kích thích xuất khẩu, hạn chế nhập khẩu, giảm nhập siêu, nhưng lại làm cho “nhập khẩu lạm phát” bị khuếch đại lên. Nếu tỷ giá đồng Việt Nam / đồng đô la Mỹ giảm (tức là tăng giá đồng Việt Nam) thì tác dụng kiềm chế lạm phát, nhưng lại khuyến khích nhập khẩu, hạn chế xuất khẩu, tăng nhập siêu, tác động xấu đến cán cân thanh toán tổng thể và làm giảm tính thanh khoản của quốc gia... Vì vậy, điều hành tỷ giá hối đoái sao cho thúc đẩy xuất khẩu, hạn chế nhập khẩu vừa thu hút được vốn nước ngoài và kiểm soát được lạm phát ở mức hợp lý là yêu cầu bức xúc của các nền kinh tế.

Có ba nhân tố làm nhập siêu tăng nhanh, đó là độ mở của nền kinh tế rộng hơn; nhập khẩu nhiều máy móc, thiết bị, nguyên nhiên vật liệu để phục vụ sản xuất phát triển, và tiêu dùng quá mức hợp lý của một bộ phận trong xã hội. Đặc biệt, trong tình hình lạm phát mang tính toàn cầu, nước ta mở cửa thương mại sâu rộng hơn sau khi gia nhập WTO thì lạm phát tất yếu mang yếu tố ngoại sinh và chịu tác động tiêu cực bởi tình trạng “nhập khẩu lạm phát” do điều hành thiếu linh hoạt.

“Nhập khẩu lạm phát” của Việt Nam làm tăng tốc “chi phí đẩy”

“Nhập khẩu lạm phát” là một khái niệm mới lần

đầu tiên được đề cập ở nước ta trong thời gian gần đây. Chính “nhập khẩu lạm phát” đã góp phần làm cho lạm phát của Việt Nam cao hơn của các nước. Trong trường hợp của Việt Nam, “nhập khẩu lạm phát” được hiểu theo hai nghĩa. Nghĩa thứ nhất, là trong khi giá hàng nhập khẩu trên thị trường thế giới tăng rất cao, vì vậy tăng lượng hàng nhập khẩu không những càng làm tăng chi phí đầu vào của sản xuất, đẩy giá cả nội địa lên cao mà còn làm tăng giá hàng hoá xuất khẩu, nhất là những sản phẩm sử dụng nguyên vật liệu nhập khẩu.

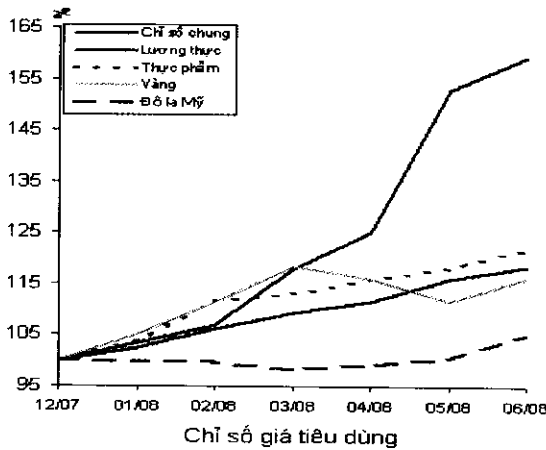
Nghĩa thứ hai, là tỷ giá hối đoái giữa đồng Việt Nam và đồng USD thiếu linh hoạt làm tăng giá hàng nhập khẩu. Thực tế, nhiều năm nay đồng Việt Nam được “neo giá” vào đồng USD, mặc dù đồng USD đã giảm giá mạnh so với các đồng tiền trên thế giới. Tính từ năm 2000 đến nay, về danh nghĩa đồng Việt Nam đã bị mất giá tới 20% so với USD; nếu so với “rổ tiền tệ” của 19 đồng tiền khác (bao gồm cả USD) trong kim ngạch xuất khẩu lớn của Việt Nam, thì đồng Việt Nam đã giảm giá về danh nghĩa tới 22% và giảm khoảng 12% về tỷ giá thực⁴. Mặt khác, “nhập khẩu lạm phát” còn thể hiện ở “cánh kéo tỷ giá”. Theo tính toán của Ngân hàng Thế giới, một USD ở Việt Nam có sức mua tương đương với 3,4 USD tại Mỹ trong năm 2005, còn các năm trước, hệ số trên lên đến 4-5 lần. Như vậy, nhập khẩu của Việt Nam bị “đắt kép”: vừa đắt do hàng hóa nhập khẩu tính bằng USD, (trong khi giá USD bị giảm mạnh trên thế giới), vừa đắt do giá đồng Việt Nam bị neo giữ vào đồng USD, vừa đắt do cánh kéo tỷ giá, làm tăng kim ngạch nhập khẩu của nước ta⁵.

4. Ngọc Minh: “Nhập khẩu” lạm phát, Thanh Niên, số 25/3/2008.

5. Nguyễn Xuân Thành - Bùi Văn: GDP của Việt Nam theo cân bằng sức mua giảm 30% VietNamNet, ngày 17/12/2007.

Bên cạnh đó, nguyên nhân lạm phát còn có phần xử lý dòng vốn đầu tư FDI chưa thật hiệu quả. Việt Nam ngày càng trở thành nơi thu hút mạnh mẽ đầu tư nước ngoài, chỉ riêng 6 tháng đầu năm 2008, FDI đã cao hơn gần 10 tỉ USD so với cả năm 2007. Tuy nhiên, nhập khẩu từ các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài không phải lúc nào cũng hiệu quả, thậm chí có đến 70% doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài báo cáo lỗ do nhập khẩu hàng năm? Trong lúc đó, tỉ trọng vốn FDI đăng ký vào bất động sản, các khu vui chơi giải trí lại rất cao. Đây là những lĩnh vực ít thay đổi cơ cấu kinh tế, tạo công ăn việc làm, không nâng cao năng lực khoa học công nghệ và nâng cao giá trị xuất khẩu⁶.

đều có tác động hai mặt tích cực lẫn tiêu cực. Đối với nước ta, công nghiệp phụ trợ và sản phẩm trung gian để sản xuất hàng hoá xuất khẩu kể cả tiêu dùng nội địa chưa phát triển mà chủ yếu vẫn phải nhập khẩu từ bên ngoài thì bài toán hạn chế nhập khẩu sẽ giống như “con dao hai lưỡi”. Vì vậy, cần phải tính toán sử dụng các biện pháp thật khéo léo nhằm đạt mục tiêu chống lạm phát nhưng đảm bảo ổn định và phát triển, tạo niềm tin trong xã hội và các doanh nghiệp. Để quản lý điều hành xuất nhập khẩu hiệu quả góp phần chống lạm phát trong giai đoạn hiện nay cần phải tập trung vào một số nội dung thiết thực như sau:



Chỉ số giá tiêu dùng Việt Nam từ 12/2007-6/2008
(Nguồn: Tổng cục Thống kê)

Tăng cường quản lý điều hành xuất nhập khẩu góp phần chống lạm phát

Từ nay đến những tháng cuối năm, nhu cầu sản xuất rất cao để hoàn thành kế hoạch năm 2008, đòi hỏi hoạt động xuất nhập khẩu tăng lên cả về khối lượng và kim ngạch. Chính phủ và các cơ quan chức năng đã ban hành một loạt các biện pháp nhằm kiểm chế lạm phát và bảo đảm ổn định kinh tế vĩ mô thời gian tới. Trong đó, có các giải pháp quyết liệt nhằm kiểm chế nhập siêu, hướng hoạt động xuất nhập khẩu phục vụ có hiệu quả các mục tiêu kinh tế xã hội đã đề ra. Tuy nhiên, trong điều kiện một nền kinh tế còn non yếu, đầu vào và đầu ra của xuất khẩu phụ thuộc rất lớn thị trường bên ngoài nên việc sử dụng các giải pháp kiểm chế lạm phát không đủ “liều lượng” hoặc quá mức cần thiết

Một là, phải đánh giá tình hình và dự báo diễn biến của thị trường trong nước và quốc tế tác động đến cung cầu của xuất nhập khẩu, tác động giữa nhập khẩu và xuất khẩu nhằm xây dựng chính sách vĩ mô về hoạt động ngoại thương 6 cuối năm 2008 và những năm tiếp theo trên cơ sở mục tiêu kiểm chế lạm phát của Chính phủ. Đồng thời, thực hiện chính sách nhập khẩu có tính định hướng để hỗ trợ thúc đẩy phát triển sản xuất trong nước. Tiến hành rà soát, xác định cụ thể danh mục và mặt hàng cần phải hạn chế nhập khẩu, tính toán cấu hợp lý đối với nhóm hàng cần thiết phải nhập và nhóm hàng cần nhập nhưng có sự kiểm soát thích hợp để hạn chế nhập siêu. Các cơ quan chức năng tăng cường kiểm soát chặt chẽ hoạt

6. FastMoney. VN: Để doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài không “qua mặt” ngành thu. <http://fastmoney.vn/Home/Tai-chinh-Ngan-hang/Thue-Ngansach/2008/05/2FFB6581/>.

động xuất nhập khẩu, đặc biệt kiên quyết chống buôn lậu gian lận thương mại, tập trung khám phá ngăn chặn những hành vi lợi dụng khan hiếm hàng hoá, giá cả tăng cao để xuất nhập khẩu thu lợi bất chính.

Hai là, nhanh chóng chuyển dịch cơ cấu xuất khẩu, giảm thiểu tối đa hoạt động gia công lắp ráp phụ thuộc nguyên phụ liệu nhập khẩu, đẩy mạnh xuất khẩu các mặt hàng có lợi thế cạnh tranh, những mặt hàng xuất khẩu chủ lực đồng thời tích cực phát triển các mặt hàng có tiềm năng mới theo hướng nâng cao hiệu quả xuất khẩu như đồ gỗ, hàng thủ công mỹ nghệ, xe đạp, phụ tùng, hàng gia dụng... Xây dựng chiến lược và lộ trình phát triển sản xuất xuất khẩu những mặt hàng trị giá lớn và có hàm lượng tinh chế cao từ nguồn nguyên liệu trong nước. Nhà nước khuyến khích phát triển ngành công nghiệp phụ trợ, đảm bảo cung cấp các loại nguyên liệu, linh phụ kiện, phụ tùng, hàng hoá trung gian cho sản xuất xuất khẩu và tiêu dùng. Tăng cường hỗ trợ công tác xúc tiến thương mại đối với hàng xuất khẩu; cải cách mạnh mẽ thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động xuất khẩu để giảm chi phí cho doanh nghiệp, góp phần nâng cao khả năng cạnh tranh của hàng xuất khẩu Việt Nam trên thị trường quốc tế.

Ba là, cần phải tính toán áp dụng chính sách thuế phù hợp đối với những mặt hàng nhập khẩu là đầu vào của sản xuất hàng hoá xuất khẩu để vừa đảm bảo mục tiêu xuất khẩu vừa không gây ra hiệu ứng “cấm vận” đối với sản xuất xuất khẩu. Đặc biệt không đánh thuế cao hoặc miễn thuế đối với những mặt hàng là nguyên vật liệu sản xuất các mặt hàng xuất khẩu chiếm kim ngạch xuất khẩu cao và các mặt hàng tiêu dùng chủ yếu trên thị trường nội địa thuộc nhóm các mặt hàng nhạy cảm như: lương thực thực phẩm, phân bón, thức ăn cho các ngành chăn nuôi, cây trồng... đang sốt giá hoặc có nguy cơ tiềm ẩn lạm phát. Đối với những mặt hàng tiêu dùng cao cấp như ô tô, tủ lạnh, điện, điện tử... một mặt cần nghiên cứu điều chỉnh tăng mức thuế nhập khẩu, áp dụng chính sách phụ thu, bình ổn giá phù hợp các chế định của WTO và các cam kết thương mại, mặt khác cần sửa đổi nâng cao mức thuế tiêu thụ đặc biệt và các loại phí khác như thuế trước bạ, phí giao thông nhằm hạn chế nhập siêu các mặt hàng này. Đồng thời, điều chỉnh thuế suất thuế xuất khẩu đối với các loại tài nguyên khoáng sản nhằm hạn chế xuất khẩu nguyên liệu thô. Cùng với điều chỉnh chính sách thuế xuất

nhập khẩu, cần công bố kịp thời danh mục những nguyên vật liệu, sản phẩm trung gian trong nước sản xuất được để hạn chế nhập khẩu; có chính sách khuyến khích những doanh nghiệp sử dụng nguyên vật liệu nội địa sản xuất xuất khẩu.

Bốn là, đối với xuất nhập khẩu thuộc lĩnh vực đầu tư nước ngoài (FDI) cần phải tăng cường thu hút những dự án đầu tư có lợi cho nền kinh tế, những dự án sản xuất hàng hóa xuất khẩu, tạo ra nhiều việc làm; kiểm soát chặt chẽ và định hướng nhập khẩu cho những dự án đầu tư đó có hiệu quả. Chính phủ cần khen thưởng kịp thời những địa phương, đơn vị triển khai các dự án đầu tư có hiệu quả, nhất là đối với những lĩnh vực giúp hạn chế nhập siêu, nâng cao tỷ trọng các hàng hoá tiêu dùng thiết yếu nhằm kiềm chế lạm phát. Đồng thời, phê phán những địa phương, đơn vị mời gọi đầu tư bất chấp hiệu quả kinh tế-xã hội hoặc đầu tư lệch lạc vào những lĩnh vực gây tiềm ẩn lạm phát.

Năm là, hoàn thiện hệ thống tiêu chuẩn kỹ thuật của Việt Nam đáp ứng các yêu cầu về quản lý xuất nhập khẩu và lưu thông hàng hoá phù hợp với các quy định của WTO và các Hiệp định quốc tế mà Việt Nam ký kết. Nhất là ban hành các tiêu chuẩn kỹ thuật đối với những mặt hàng có kim ngạch nhập khẩu lớn, các mặt hàng ảnh hưởng trực tiếp đến sản xuất, tiêu dùng, sức khỏe cộng đồng và bảo vệ môi trường. Đồng thời, tăng cường kiểm soát chặt chẽ đối với hàng hoá xuất nhập khẩu chịu sự quản lý chuyên ngành. Đặc biệt, cần phải định hướng tiêu dùng và phát động rộng rãi trong nhân dân phong trào sử dụng hàng Việt Nam.

Sáu là, nâng cao năng lực dự báo về diễn biến của thị trường tiền tệ, chủ động điều hành tỷ giá hối đoái với biên độ và bước đi hợp lý, nhằm hạn chế biến động về tỷ giá hối đoái ảnh hưởng tiêu cực đến cán cân thương mại; bảo đảm tạo điều kiện cho thị trường ngoại tệ vận hành ổn định; đảm bảo tính thanh khoản của hệ thống ngân hàng nhằm ổn định và kích thích sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp và toàn bộ nền kinh tế. Đồng thời, nhà nước phải có biện pháp mang tính đồng bộ xuất phát từ tác động vào các yếu tố làm tăng cầu ngoại tệ như hạn chế nhập siêu; quản lý dự trữ ngoại hối thống nhất; cung cấp đủ ngoại tệ cho nhập khẩu, nhất là nhập khẩu các mặt hàng thiết yếu (xăng dầu, thuốc chữa bệnh, vật tư, nguyên liệu, phân bón...); quản lý điều hành lãi suất cho vay ngoại

Xem tiếp trang 52

cuộc đình công xảy ra, NSDLĐ trước hết cần liên hệ ngay với cán bộ lao động địa phương, cán bộ liên đoàn lao động quận, tỉnh và đại diện VCCI tại địa phương; thông báo cho công an địa phương ngay khi có biểu hiện bạo lực, phá hoại tài sản công ty; cố gắng phát hiện và đàm phán với người lãnh đạo đình công để tìm nguyên nhân đình công; tránh đưa ra những lời đe dọa hay mất bình tĩnh mà đặt nhiều câu hỏi để tìm hiểu đúng yêu cầu của NLD và làm dịu tình hình; dùng cố giải quyết vấn đề khi chưa hiểu được nguyên nhân vấn đề, dùng hứa những điều mà mình không làm được; cần hợp tác với hoà giải viên, hội đồng trọng tài và các cơ quan chức năng trong suốt quá trình giải quyết đình công.

Các cơ quan chức năng địa phương cần khẩn trương, tập trung giải quyết các tranh chấp giữa giới chủ và NLD để nhanh chóng ổn định tình hình trên tinh thần thật khách quan, mềm mỏng, thấu lý, đạt tình; tránh làm trầm trọng thêm việc tranh cãi và đổ lỗi cho nhau trong việc tìm ra nguyên nhân chính của đình công là do chủ DN không thực hiện đúng pháp luật hay do công đoàn không thực hiện đúng vai trò của mình.

Đình công là hiện tượng bình thường trong nền kinh tế thị trường, nó có mặt tiêu cực và tích cực. Bản thân đình công cũng phản ánh nhiều vấn đề và liên quan đến nhiều chủ thể. Vì vậy, giải quyết vấn đề đình công phải

có quan điểm toàn diện; các nhân tố đại diện đều phải vào cuộc một cách tích cực, chủ động. Tuy nhiên, về phương diện lý luận cần phải có những công trình nghiên cứu một cách toàn diện và tổng thể về đình công, từ hệ thống hoá cơ sở lý luận, cơ sở pháp lý về quyền đình công của NLD cho đến phân tích thực trạng, nguyên nhân của đình công ở Việt Nam, nguyên nhân của đình công tự phát của NLD cho đến rút ra những bài học thực tiễn và đề xuất các giải pháp..., nhằm xây dựng quan hệ lao động hài hoà, ổn định trong các doanh nghiệp, tạo điều kiện để thu hút đầu tư, góp phần giữ vững ổn định kinh tế, chính trị, xã hội.

NQHNTU6 khoá X về “tiếp tục xây dựng giai cấp công nhân Việt Nam thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước” đã đưa ra những đánh giá về tình hình giai cấp công nhân Việt Nam trong những năm đổi mới vừa qua; những quan điểm chỉ đạo, mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp xây dựng giai cấp công nhân Việt Nam thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước. Nghị quyết là định hướng chính trị cơ bản để thực hiện việc đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của công nhân, chăm lo đời sống vật chất, tinh thần cho công nhân. Nghị quyết đi vào cuộc sống và được thực hiện có hiệu quả thì tất yếu vấn đề đình công cũng sẽ được giải quyết về căn bản.

NHỮNG GIẢI PHÁP HẠN CHẾ NHẬP SIÊU GÓP PHẦN KIỂM CHẾ LẠM PHÁT

Tiếp theo trang 36

tệ trong nước và chấn chỉnh lại hệ thống các đại lý, các bàn thu đổi ngoại tệ; nghiêm cấm và xử lý nghiêm minh việc mua bán ngoại tệ trên thị trường chợ đen. Để hạn chế sử dụng ngoại tệ nhập khẩu, bên cạnh tuân thủ nghiêm ngặt các quy chế tín dụng ngoại tệ và mang ngoại tệ qua biên giới, cần tiến hành phát hành trái phiếu ngoại tệ để sử dụng thanh toán nhập khẩu, tiến đến hạn chế tín dụng ngoại tệ và thanh toán ngoại tệ bằng tiền mặt tràn lan như hiện nay. Mặt khác, cần khắc phục những ách tắc về tín dụng xuất khẩu cho các doanh nghiệp, các ngân hàng và tổ chức tín dụng phải đảm bảo cung ứng vốn và mua hết ngoại tệ cho các doanh nghiệp sản xuất xuất khẩu.

Tuy nhiên, hoạt động xuất nhập khẩu liên quan chặt chẽ đến hệ thống tiền tệ quốc tế, nhất là các ngoại tệ mạnh. Vì vậy, để tránh tình trạng “đô la hoá” nền kinh tế, ảnh hưởng tiêu cực đến hoạt động xuất nhập khẩu khi đồng đô la biến động, bên cạnh thực hiện đa dạng hoá sử dụng các loại ngoại tệ trong thanh toán ngoại thương và giao dịch tín dụng cần thu hẹp và quy định rõ những đối tượng được sử dụng ngoại tệ trong hoạt động xuất nhập khẩu và đầu tư nước ngoài, công khai hoá các tổ chức được mua bán hoặc thanh toán ngoại tệ trên lãnh thổ Việt Nam. Một biện pháp quan trọng là các doanh nghiệp cần lựa chọn đồng tiền khi ký hợp đồng xuất khẩu, nhập khẩu để có lợi nhất, tùy thuộc vào biến động tỷ giá giữa đồng Việt Nam với đồng ngoại tệ tương ứng.

Cùng với các giải pháp trên, cần đẩy mạnh các hoạt động hội nhập quốc tế, thực hiện các cam kết thương mại và tiếp tục đàm phán, ký kết các hiệp định song phương, đa phương, tham gia thiết lập các khu mậu dịch tự do theo hướng tạo thuận lợi, tăng nhanh kim ngạch hàng hóa xuất khẩu của Việt Nam, thu hẹp chênh lệch cán cân thương mại theo mục tiêu đã đặt ra.